

**DANH SÁCH CHA MẸ HỌC SINH ĐÓNG GÓP
TÀI TRỢ MÁI CHE NĂM HỌC 2023-2024**

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
1	12A01	Lê Quốc	Bảo	200,000	
2	12A01	Nguyễn Công	Bảo	100,000	
3	12A01	Phạm Quốc	Bảo	100,000	
4	12A01	Nguyễn Bách Khang	Duy	100,000	
5	12A01	Trương Phùng Kỳ	Duyên	200,000	
6	12A01	Lại Thành	Đạt	200,000	
7	12A01	Hà Gia	Huy	200,000	
8	12A01	Huỳnh Thị Thu	Khanh	200,000	
9	12A01	Nguyễn Huy	Khánh	200,000	
10	12A01	Nguyễn Phước	Khánh	200,000	
11	12A01	Nguyễn Tuấn	Kiệt	200,000	
12	12A01	Lê Diễm	Linh	200,000	
13	12A01	Trương Phương	Linh	200,000	
14	12A01	Võ Duy	Lộc	200,000	
15	12A01	Đặng Thị Tuyết	Mai	200,000	
16	12A01	Đỗ Ngọc	Mai	200,000	
17	12A01	Đinh Thanh	Ngân	100,000	
18	12A01	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên	200,000	
19	12A01	Huỳnh Minh	Nhật	200,000	
20	12A01	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	100,000	
21	12A01	Đàm Thị Quỳnh	Như	200,000	
22	12A01	Đặng Huỳnh Tấn	Tài	200,000	
23	12A01	Nguyễn Chí	Tài	200,000	
24	12A01	Ngô Văn Công	Thành	200,000	
25	12A01	Nguyễn Ngọc Minh	Thảo	100,000	
26	12A01	Trần Công	Thịnh	200,000	
27	12A01	Trần Ngọc Bảo	Trâm	100,000	
28	12A01	Nguyễn Phương	Uyên	300,000	
29	12A01	Nguyễn Thanh	Vy	100,000	
				5,100,000	
1	12A02	Trần Đức	Bảo	500,000	
2	12A02	Lê Hoàng Ngọc	Bích	200,000	
3	12A02	Nguyễn Phương Thùy	Dung	200,000	
4	12A02	Nguyễn Thùy	Dung	200,000	
5	12A02	Nguyễn Hải	Dương	200,000	
6	12A02	Huỳnh	Giao	200,000	
7	12A02	Lê Hoàng	Hiếu	200,000	
8	12A02	Lê Bảo	Khang	200,000	
9	12A02	Lý Cẩm	Khang	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
10	12A02	Đặng Hoàng Trúc	Linh	200,000	
11	12A02	Lê Thị Ngọc	Linh	200,000	
12	12A02	Lâm Trương Huệ	Mỹ	200,000	
13	12A02	Nguyễn Văn	Nam	200,000	
14	12A02	Châu Thục	Nghi	200,000	
15	12A02	Nguyễn Thanh	Ngọc	200,000	
16	12A02	Nguyễn Quỳnh	Như	200,000	
17	12A02	Trương Ngọc Quỳnh	Như	200,000	
18	12A02	Phạm Lê Kim	Oanh	200,000	
19	12A02	Võ Hoàng	Phúc	200,000	
20	12A02	Trần Ngô Uyên	Phương	200,000	
21	12A02	Phạm Đỗ	Quyên	200,000	
22	12A02	Bùi Duy	Tấn	200,000	
23	12A02	Lê Thành	Thắng	200,000	
24	12A02	Nguyễn Mạnh	Thắng	200,000	
25	12A02	Trần Sáng	Thịnh	200,000	
26	12A02	Nguyễn Khiết	Trình	200,000	
27	12A02	Nguyễn Thị Ánh	Vy	200,000	
28	12A02	Trương Ngọc	Yến	200,000	
				5,900,000	
	12A03			3,000,000	
1	12A04	Lê Ngô Minh	Anh	150,000	
2	12A04	Trần Hoàng Thiên	Ân	200,000	
3	12A04	Trịnh Thị Thanh	Bình	150,000	
4	12A04	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	150,000	
5	12A04	Nguyễn Tâm Trường	Hải	150,000	
6	12A04	Lê Phương	Hạnh	100,000	
7	12A04	Nguyễn Trọng	Hiếu	150,000	
8	12A04	Nguyễn Quang	Huy	150,000	
9	12A04	Trần Danh Quang	Huy	100,000	
10	12A04	Đào Lê	Hương	150,000	
11	12A04	Đinh Phúc	Khang	200,000	
12	12A04	Mai Bảo	Khang	150,000	
13	12A04	Nguyễn Hữu Minh	Khang	150,000	
14	12A04	Bạch Văn Tín	Khôi	100,000	
15	12A04	Nguyễn Đại	Lộc	150,000	
16	12A04	Quản Lê	Minh	300,000	
17	12A04	Trần Trúc	My	200,000	
18	12A04	Nguyễn Văn	Nam	150,000	
19	12A04	Nguyễn Hà Bảo	Ngân	100,000	
20	12A04	Trần Phương	Ngân	150,000	
21	12A04	Ưng Lê	Nghi	150,000	
22	12A04	Trần Kim	Ngọc	100,000	
23	12A04	Nguyễn Quang	Phong	150,000	
24	12A04	Võ Lê Hoàng	Phúc	150,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
25	12A04	Nguyễn Trương Đăng	Quang	180,000	
26	12A04	Trần Phương Ngọc	Quý	200,000	
27	12A04	Phan Ngọc Tường	Quyên	150,000	
28	12A04	Nguyễn Bảo Phương	Quỳnh	170,000	
29	12A04	Lê Hoàng Ngân	Thanh	150,000	
30	12A04	Trần Hoàng Mai	Thư	150,000	
31	12A04	Thân Hoàng Phương	Trinh	200,000	
32	12A04	Nguyễn Đức	Trọng	200,000	
33	12A04	Huỳnh Lâm Bảo	Trung	200,000	
34	12A04	Trịnh Nguyễn Minh	Trung	200,000	
35	12A04	Nguyễn Quốc	Tuấn	100,000	
36	12A04	Đặng Thảo	Vy	150,000	
37	12A04	Mai Thanh	Vy	200,000	
		Quý PH		600,000	
				6,500,000	
1	12A05	Vũ Quốc	Anh	100,000	
2	12A05	Trần Ngọc	Bảo	100,000	
3	12A05	Huỳnh Lê	Đạt	50,000	
4	12A05	Trần Minh	Đạt	200,000	
5	12A05	Nguyễn Gia Khánh	Đoan	200,000	
6	12A05	Lê Vũ Quốc	Huy	200,000	
7	12A05	Trần Gia	Huy	100,000	
8	12A05	Nguyễn Đình Bảo	Khánh	100,000	
9	12A05	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa	100,000	
10	12A05	Nguyễn Trọng	Khôi	100,000	
11	12A05	Cao Nguyễn Thảo	Linh	50,000	
12	12A05	Cao Nguyễn Trúc	Linh	50,000	
13	12A05	Nguyễn Phúc	Minh	50,000	
14	12A05	Vũ Đức	Minh	100,000	
15	12A05	Phạm Gia	Nghi	100,000	
16	12A05	Lai Phạm Như	Phúc	100,000	
17	12A05	Nguyễn Lữ Như	Quỳnh	500,000	
18	12A05	Võ Trương Trung	Sơn	100,000	
19	12A05	Phạm Cao	Thành	200,000	
20	12A05	Nguyễn Phạm Minh	Thư	100,000	
21	12A05	Nguyễn Đức	Tiến	100,000	
22	12A05	Nguyễn Ngọc Thuý	Trâm	200,000	
23	12A05	Mai Thị Yến	Trân	200,000	
24	12A05	Âu Lê Quang	Trí	40,000	
25	12A05	Trần Minh	Trí	100,000	
26	12A05	Võ Minh	Trí	50,000	
27	12A05	Đoàn Minh	Tuấn	200,000	
28	12A05	Nguyễn Thị Phương	Uyên	100,000	
29	12A05	Phan Hồng Khánh	Uyên	100,000	
30	12A05	Bùi Ngọc Lan	Vi	100,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
31	12A05	Nguyễn Ngọc Uyên	Vy	150,000	
				3,940,000	
1	12A06	Nguyễn Thái	An	50,000	
2	12A06	Nguyễn Tấn	Đạt	200,000	
3	12A06	Nguyễn Thảo Nguyên	Giang	200,000	
4	12A06	Trần Hồng	Hân	200,000	
5	12A06	Trần Ngọc Gia	Hân	200,000	
6	12A06	Trương Nguyễn Thúy	Hằng	200,000	
7	12A06	Châu Nguyên	Khang	100,000	
8	12A06	Nguyễn Lê Kim	Khánh	200,000	
9	12A06	Nguyễn Quốc	Khánh	200,000	
10	12A06	Trần Nguyễn Đức	Khôi	200,000	
11	12A06	Trương Hiền	Minh	200,000	
12	12A06	Lê Vũ Hải	My	200,000	
13	12A06	Nguyễn Ngọc Đường	Nghi	50,000	
14	12A06	Phạm Thị Bích	Ngọc	400,000	
15	12A06	Nguyễn Hoàng Phi	Nguyễn	400,000	
16	12A06	Nguyễn Thanh	Nhật	200,000	
17	12A06	Hồ Thị Yến	Nhi	200,000	
18	12A06	Nguyễn Uyên	Nhi	500,000	
19	12A06	Trần Tấn	Phát	200,000	
20	12A06	Nguyễn Vũ Uyên	Phương	500,000	
21	12A06	Hồ Thu	Thảo	200,000	
22	12A06	Trần Ngọc Bảo	Trân	200,000	
23	12A06	Võ Quang	Vũ	200,000	
				5,200,000	
1	12A07	Trần Phúc Xuân	An	100,000	
2	12A07	La Quốc	Anh	100,000	
3	12A07	Lê Quốc Nam	Anh	100,000	
4	12A07	Nguyễn Thùy	Anh	200,000	
5	12A07	Trần Minh	Dương	50,000	
6	12A07	Nguyễn Quốc	Đạt	100,000	
7	12A07	Nguyễn Minh	Điện	200,000	
8	12A07	Phạm Minh	Đức	500,000	
9	12A07	Đỗ Quỳnh	Giang	100,000	
10	12A07	Nguyễn Mai	Hân	500,000	
11	12A07	Nguyễn Minh	Hòa	100,000	
12	12A07	Đặng Nguyên	Khang	500,000	
13	12A07	Phạm Võ Bảo	Khang	200,000	
14	12A07	Ngô Trần Anh	Khoa	50,000	
15	12A07	Đặng Bá	Khôi	200,000	
16	12A07	Bùi Đặng Hoàng	Long	200,000	
17	12A07	Lê Nguyễn Xuân	Mai	100,000	
18	12A07	Trần Ngọc Quang	Minh	200,000	
19	12A07	Đặng Phước Trà	My	100,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
20	12A07	Phạm Hà	My	500,000	
21	12A07	Nguyễn Hải	Ngọc	200,000	
22	12A07	Lâm Khôi	Nguyên	50,000	
23	12A07	Bùi Trần Yên	Nhi	200,000	
24	12A07	Hoàng Lê Quỳnh	Nhi	100,000	
25	12A07	Phạm Uyên	Nhi	100,000	
26	12A07	Vũ Thị Cẩm	Nhung	200,000	
27	12A07	Phan Thị Ngọc	Phụng	100,000	
28	12A07	Nguyễn Thị Thu	Phương	200,000	
29	12A07	Nguyễn Thị Anh	Thư	100,000	
30	12A07	Lý Niệm	Toàn	200,000	
31	12A07	Bùi Nguyễn Bảo	Trân	100,000	
32	12A07	Nguyễn Quốc	Trọng	100,000	
33	12A07	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	100,000	
34	12A07	Phan Thiên	Trường	100,000	
35	12A07	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	100,000	
	12A08			6,050,000	
	12A07			3,300,000	
	12A09			8,550,000	
1	12A10	Nguyễn Thùy Lan	Anh	200,000	
2	12A10	Lưu Thành	Danh	200,000	
3	12A10	Nguyễn Thị Thùy	Dung	200,000	
4	12A10	Đỗ Tất	Đạt	200,000	
5	12A10	Quách Khánh	Đoan	200,000	
6	12A10	Đỗ Ngọc Bảo	Hân	200,000	
7	12A10	Phan Tuấn Gia	Hân	100,000	
8	12A10	Nguyễn Hoàng Lan	Hương	200,000	
9	12A10	Vũ Minh	Khang	200,000	
10	12A10	Đoàn Ngọc Tuấn	Khiêm	200,000	
11	12A10	Khổng Tuấn	Kỳ	200,000	
12	12A10	Nguyễn Mai Quỳnh	Linh	200,000	
13	12A10	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	200,000	
14	12A10	Võ Khánh	Linh	200,000	
15	12A10	Nguyễn Vũ Mai	Ly	200,000	
16	12A10	Trương Nguyễn Uyên	My	100,000	
17	12A10	Trần Nguyễn Nhật	Nam	100,000	
18	12A10	Quách Nguyễn Mỹ	Ngọc	200,000	
19	12A10	Bùi Đặng Yên	Nhi	100,000	
20	12A10	Cao Nguyễn Đình	Phong	200,000	
21	12A10	Võ Hoa Hồng	Quý	200,000	
22	12A10	Võ Hoa Hồng	Thiện	200,000	
23	12A10	Nguyễn Anh	Thư	200,000	
24	12A10	Nguyễn Minh	Thư	100,000	
25	12A10	Lê Bảo Tường	Vy	200,000	
26	12A10	Nguyễn Võ Khánh	Vy	100,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
27	12A10	Trần Thị Như	Ý	200,000	
				4,800,000	
1	12A11	Nguyễn Thành Quốc	An	200,000	
2	12A11	Lê Hồng	Anh	100,000	
3	12A11	Nguyễn Vũ Ánh	Châu	200,000	
4	12A11	Lê Bửu	Chương	500,000	
5	12A11	Hồ Lê Hải	Hà	200,000	
6	12A11	Lê Nguyễn Bảo	Hân	200,000	
7	12A11	Vương Gia	Hòa	100,000	
8	12A11	Nguyễn Tường Uyên	Khanh	200,000	
9	12A11	Trần Nguyễn Mạnh	Khôi	200,000	
10	12A11	Nguyễn Thị Xuân	Mai	200,000	
11	12A11	Nguyễn Kim Như	Ngân	200,000	
12	12A11	Nguyễn Khánh	Ngọc	200,000	
13	12A11	Lê Phạm Phúc	Nguyên	200,000	
14	12A11	Châu Thị Yến	Nhi	100,000	
15	12A11	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	200,000	
16	12A11	Huỳnh Ngọc	Như	200,000	
17	12A11	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	100,000	
18	12A11	Lê Phạm Ý	Tâm	200,000	
19	12A11	Nguyễn Đức	Thịnh	200,000	
20	12A11	Nguyễn Phạm Minh	Thư	100,000	
21	12A11	Trương Thanh	Thư	200,000	
22	12A11	Đinh Hoàng Khánh	Trang	200,000	
23	12A11	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	200,000	
24	12A11	Lê Hồng Thái	Tuấn	200,000	
25	12A11	Nguyễn Thị Yến	Vy	200,000	
				4,800,000	
1	12A12	Doãn Hồ Phương	Anh	200,000	
2	12A12	Nguyễn Đặng Bảo	Anh	200,000	
3	12A12	Huỳnh Bảo	Châu	200,000	
4	12A12	Nguyễn Trần Nguyên	Hạnh	100,000	
5	12A12	Phan Hồng	Hạnh	500,000	
6	12A12	Đoàn Bảo	Hân	500,000	
7	12A12	Bùi Gia Xuân	Hồng	200,000	
8	12A12	Lê Trần My	My	100,000	
9	12A12	Nguyễn Thị Thúy	Nga	200,000	
10	12A12	Cao Huỳnh Kim	Ngân	100,000	
11	12A12	Nguyễn Minh Bảo	Ngọc	100,000	
12	12A12	Bùi Uyên	Nhi	100,000	
13	12A12	Lê Vũ Quỳnh	Như	100,000	
14	12A12	Thái Mỹ	Phụng	100,000	
15	12A12	Đỗ Lê Uyên	Phuong	100,000	
16	12A12	Huỳnh Như	Quỳnh	100,000	
17	12A12	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	100,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
18	12A12	Trần Phương	Thảo	100,000	
19	12A12	Đào Mạnh	Thiên	300,000	
20	12A12	Nguyễn Quỳnh Minh	Thư	100,000	
21	12A12	Nguyễn Thị Minh	Thư	100,000	
22	12A12	Trần Đình Bảo	Trân	200,000	
23	12A12	Ngô Phương	Vy	200,000	
	12A12			4,000,000	
	12A13			3,950,000	
	12A14			7,200,000	
1	11B01	Hoàng Ngọc Diệu	An	500,000	
2	11B01	Lê Trung	Anh	200,000	
3	11B01	Nguyễn Hoàng Thảo	Anh	200,000	
4	11B01	Phạm Quang	Huy	400,000	
5	11B01	Đặng Hoàng Gia	Linh	500,000	
6	11B01	Hồ Lưu Gia	Linh	200,000	
7	11B01	Nguyễn Huỳnh Khánh	Linh	200,000	
8	11B01	Huỳnh Hoàng Bảo	Ly	200,000	
9	11B01	Lê Phương	Mai	200,000	
10	11B01	Nguyễn Hữu	Minh	200,000	
11	11B01	Nguyễn Thanh	Ngân	200,000	
12	11B01	Lê Trần Phúc	Nghi	300,000	
13	11B01	Lê Bảo	Ngọc	200,000	
14	11B01	Nguyễn Thanh Hồng	Ngọc	200,000	
15	11B01	Huỳnh Hoài	Nhi	100,000	
16	11B01	Phạm Nguyễn Trúc	Nhi	200,000	
17	11B01	Nguyễn Hải	Phong	100,000	
18	11B01	Lê Hồng	Phương	500,000	
19	11B01	Đặng Minh	Quân	1,000,000	
20	11B01	Lương Ngô Diễm	Quỳnh	200,000	
21	11B01	Nguyễn Văn Trịnh	Tài	200,000	
22	11B01	Phan Lê Anh	Thư	200,000	
23	11B01	Vũ Hoàng Bảo	Thy	200,000	
24	11B01	Vũ Ngọc Phương	Trinh	200,000	
25	11B01	Trần Thanh	Tuyền	200,000	
				6,800,000	
	11B02			6,000,000	
1	11B03	Nguyễn Ngọc Tâm	Anh	500,000	
2	11B03	Văn Quỳnh	Anh	100,000	
3	11B03	Trần Lê Anh	Bảo	100,000	
4	11B03	Trần Ngọc	Châm	100,000	
5	11B03	Quý	Chương	100,000	
6	11B03	Nguyễn Ngọc Linh	Đan	100,000	
7	11B03	Trương Nguyễn Thành	Đạt	100,000	
8	11B03	Mai Hoàng Gia	Huy	100,000	
9	11B03	Võ Đăng	Khoa	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
10	11B03	Nguyễn Minh	Khôi	100,000	
11	11B03	Phan Phạm Nhật	Khuê	100,000	
12	11B03	Mai Diệu	Linh	100,000	
13	11B03	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngân	100,000	
14	11B03	Võ Khôi	Nguyên	100,000	
15	11B03	Nguyễn Thành	Nhân	100,000	
16	11B03	Nguyễn Trọng	Nhân	100,000	
17	11B03	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	100,000	
18	11B03	Nguyễn Gia	Phát	100,000	
19	11B03	Vũ Văn	Phong	100,000	
20	11B03	Phan Nhật Hoàng	Phước	100,000	
21	11B03	Trần Thị Hà	Phương	100,000	
22	11B03	Nguyễn Như	Quỳnh	200,000	
23	11B03	Nguyễn Tuấn	Tài	100,000	
24	11B03	Lê Văn	Tâm	100,000	
25	11B03	Nguyễn Minh	Thành	100,000	
26	11B03	Đinh Thị Minh	Thư	100,000	
27	11B03	Đặng Nguyễn Minh	Trí	100,000	
28	11B03	Vũ Phạm Vân	Trinh	100,000	
29	11B03	Lý Thanh	Trúc	200,000	
30	11B03	Cao Hoàng Anh	Tuấn	100,000	
31	11B03	Đinh Quang	Vũ	100,000	
32	11B03	Võ Trần Thảo	Vy	100,000	
33	11B03	Trần Đỗ Văn	Vỹ	100,000	
				4,000,000	
	11B04			4,100,000	
1	11B05	Nguyễn Tấn Thiên	An	100,000	
2	11B05	Lê Đức	Anh	100,000	
3	11B05	Văn Phú Ngọc	Bảo	100,000	
4	11B05	Hoàng Nguyên	Bình	100,000	
5	11B05	Huỳnh Thị Ngọc	Cầm	100,000	
6	11B05	Huỳnh Bảo	Duy	100,000	
7	11B05	Lê Vũ Khánh	Duy	100,000	
8	11B05	Đỗ Tấn	Đại	100,000	
9	11B05	Nguyễn Phước	Đạt	100,000	
10	11B05	Nguyễn Song	Hân	100,000	
11	11B05	Lê Ngọc Trung	Hiếu	100,000	
12	11B05	Trần	Hiếu	100,000	
13	11B05	Phạm Nguyễn Thanh	Hùng	100,000	
14	11B05	Vũ Nguyễn Việt	Khanh	100,000	
15	11B05	Nguyễn Hoàng Kim	Khánh	100,000	
16	11B05	Dương Nguyên	Khoa	100,000	
17	11B05	Tô Phạm Anh	Khôi	50,000	
18	11B05	Vũ Trung	Kiên	100,000	
19	11B05	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	100,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
20	11B05	Lý Nguyên	Mỹ	100,000	
21	11B05	Ngô Thanh	Ngân	100,000	
22	11B05	Trần Thanh	Ngân	200,000	
23	11B05	Trần Minh	Nghĩa	100,000	
24	11B05	Võ Huỳnh Đại	Nhân	100,000	
25	11B05	Cao Minh	Phú	100,000	
26	11B05	Phạm Gia	Phúc	100,000	
27	11B05	Đỗ Thùy	Quyên	100,000	
28	11B05	Tô Ngọc Minh	Thảo	100,000	
29	11B05	Phan Nguyễn Anh	Thư	100,000	
30	11B05	Nguyễn Ngọc Minh	Thy	50,000	
31	11B05	Hà Ngọc	Tỷ	50,000	
32	11B05	Khuru Quốc	Việt	100,000	
				3,150,000	
1	11B06	Lớp đóng 6.600.000 nhưng danh sách chỉ có 6.400.000. còn thừa 200.000 không biết của phụ huynh nào		200,000	
2	11B06	Lê Phan Gia	Bảo	200,000	
3	11B06	Kiều Minh	Châu	200,000	
4	11B06	Trần Anh	Chương	200,000	
5	11B06	Nguyễn Thị Phương	Dung	200,000	
6	11B06	Nguyễn Thanh	Đồng	200,000	
7	11B06	Trương Văn	Hà	200,000	
8	11B06	Sàn Trí	Hào	200,000	
9	11B06	Trần Cao	Huy	200,000	
10	11B06	Hồ Quỳnh	Hương	200,000	
11	11B06	Nguyễn Trần Nguyên	Khang	200,000	
12	11B06	Đỗ Hải	Long	200,000	
13	11B06	Lương Thanh	Mạnh	200,000	
14	11B06	Phạm Đức	Minh	200,000	
15	11B06	Nguyễn Lê Trà	My	200,000	
16	11B06	Nguyễn Văn Nhật	Nam	200,000	
17	11B06	Trần Ngọc Bảo	Nghi	200,000	
18	11B06	Nguyễn Hồng	Như	200,000	
19	11B06	Trịnh Thế	Phát	200,000	
20	11B06	Nguyễn Tấn	Phúc	200,000	
21	11B06	Huỳnh Mai	Phương	200,000	
22	11B06	Phùng Thanh	Phương	200,000	
23	11B06	Đặng Hoàng	Quân	200,000	
24	11B06	Lê Minh	Quân	200,000	
25	11B06	Huỳnh Phạm Diễm	Quỳnh	200,000	
26	11B06	Huỳnh Đức	Thành	200,000	
27	11B06	Lê Nguyễn Thiên	Thiên	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
28	11B06	Lê Ngọc Duyên	Thơ	200,000	
29	11B06	Hoàng Thủy	Tiên	200,000	
30	11B06	Phạm Đoàn Minh	Trí	200,000	
31	11B06	Lê Hoàng	Vương	200,000	
32	11B06	Nguyễn Trần Tuyết	Vy	200,000	
33	11B06	Nguyễn Võ Kiều	Vy	200,000	
				6,600,000	
1	11B07	Nguyễn Đức	Anh	100,000	
2	11B07	Phan Hoàng Vân	Anh	200,000	
3	11B07	Trần Hồ Trâm	Anh	150,000	
4	11B07	Hoàng Gia	Bảo	200,000	
5	11B07	Nguyễn Văn	Hải	200,000	
6	11B07	Ngô Phan Ngọc	Hân	100,000	
7	11B07	Trần Khải	Hoàn	30,000	
8	11B07	Lê Gia	Huy	100,000	
9	11B07	Phạm Tiến	Hưng	200,000	
10	11B07	Bùi Võ Anh	Khoa	200,000	
11	11B07	Tôn Thất	Khoa	200,000	
12	11B07	Nguyễn Nhật Mai	Khôi	200,000	
13	11B07	Trương Nguyễn Anh	Kiệt	200,000	
14	11B07	Nguyễn Thảo	Linh	100,000	
15	11B07	Phạm Ngọc Yến	Linh	0	
16	11B07	Nguyễn Đình Phú	Lợi	600,000	
17	11B07	Lê Nguyễn Bảo	Nam	150,000	
18	11B07	Trương Cẩm Tú	Nga	600,000	
19	11B07	Lê Thanh	Nguyên	200,000	
20	11B07	Lê Thành	Nhân	100,000	
21	11B07	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	200,000	
22	11B07	Nguyễn Quỳnh	Như	200,000	
23	11B07	Nguyễn Quỳnh	Như	200,000	
24	11B07	Nguyễn Đức	Phát	300,000	
25	11B07	Nguyễn Trần Gia	Phú	100,000	
26	11B07	Nguyễn Đình	Quân	100,000	
27	11B07	Nguyễn Minh	Quân	150,000	
28	11B07	Văn Anh	Quân	200,000	
29	11B07	Nguyễn Hoàng Tú	Quyên	200,000	
30	11B07	Đình Gia	Quỳnh	200,000	
31	11B07	Nguyễn Trần Mai	Quỳnh	200,000	
32	11B07	Võ Ngọc Như	Quỳnh	200,000	
33	11B07	Đỗ Phát Thành	Tài	200,000	
34	11B07	Trần Nguyễn Lê Anh	Tài	200,000	
35	11B07	Tsu Minh	Tài	100,000	
36	11B07	Nguyễn Chí	Thanh	200,000	
37	11B07	Hoàng Minh	Thành	200,000	
38	11B07	Đình Quang	Thịnh	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
39	11B07	Vũ Nguyễn Đức	Thịnh	200,000	
40	11B07	Lê Ngọc Anh	Thư	200,000	
41	11B07	Trịnh Nguyên	Trang	200,000	
42	11B07	Nguyễn Hà Bảo	Trân	200,000	
43	11B07	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	200,000	
44	11B07	Nguyễn Dung Phương	Uyên	100,000	
45	11B07	Võ Phương	Vi	200,000	
46	11B07	Lâm Phi	Vũ	300,000	
				8,780,000	
1	11B08	Lại Minh	Anh	200,000	
2	11B08	Ngô Trang	Anh	100,000	
3	11B08	Nguyễn Hải	Anh	100,000	
4	11B08	Đặng Thụy Minh	Châu	100,000	
5	11B08	Huỳnh Chi	Chi	200,000	
6	11B08	Lê Trần Tấn	Đạt	100,000	
7	11B08	Nguyễn Thanh Trí	Đức	200,000	
8	11B08	Trần Hoàng Gia	Hân	200,000	
9	11B08	Nguyễn Văn Mỹ	Hiệp	200,000	
10	11B08	Hoàng Đình	Hùng	100,000	
11	11B08	Văn Vĩnh	Hùng	100,000	
12	11B08	Vũ Gia	Hưng	100,000	
13	11B08	Võ Lương Phước	Khánh	100,000	
14	11B08	Lê Đăng	Khoa	200,000	
15	11B08	Nguyễn Anh	Khoa	200,000	
16	11B08	Nguyễn Hoàng	Kiên	100,000	
17	11B08	Phan Anh	Kiệt	200,000	
18	11B08	Phạm Thanh	Liêm	200,000	
19	11B08	Vòng Ngọc Mỹ	Linh	200,000	
20	11B08	Bùi Kiều	My	200,000	
21	11B08	Trần Bảo	Nghi	200,000	
22	11B08	Châu Chánh	Nghị	200,000	
23	11B08	Bùi Việt	Nghĩa	100,000	
24	11B08	Trần Thanh	Ngọc	200,000	
25	11B08	Dương Phúc	Nguyên	50,000	
26	11B08	Võ Nguyễn Vĩ	Nguyên	200,000	
27	11B08	Cao Thị Tuyết	Nhi	200,000	
28	11B08	Trịnh Thị Yến	Nhi	100,000	
29	11B08	Ngô Quỳnh	Như	200,000	
30	11B08	Bùi Thị Mai	Phương	200,000	
31	11B08	Nguyễn Minh	Quang	100,000	
32	11B08	Nguyễn Minh	Quân	100,000	
33	11B08	Lê Thị Mỹ	Quyên	100,000	
34	11B08	Nguyễn Phú	Thịnh	200,000	
35	11B08	Nguyễn Khánh	Toàn	100,000	
36	11B08	Ngô Hoàng	Trí	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
37	11B08	Lê Đức Bảo	Trúc	200,000	
38	11B08	Nguyễn Quang	Trường	200,000	
39	11B08	Nguyễn Trần Ngọc	Uyên	200,000	
40	11B08	Nguyễn Vũ Quốc	Vương	200,000	
				6,550,000	
1	11B09	Ngô Vy	Anh	150,000	
2	11B09	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	150,000	
3	11B09	Trương Hoài	Ân	150,000	
4	11B09	Trần Gia	Bảo	150,000	
5	11B09	Lưu Đình	Hoàng	150,000	
6	11B09	Nguyễn Lê Minh	Hoàng	150,000	
7	11B09	Phạm Nguyễn Ánh	Hồng	150,000	
8	11B09	Lê Huỳnh Đức	Huy	150,000	
9	11B09	Phan Quốc Khang	Huy	150,000	
10	11B09	Hoàng Ngọc Minh	Khôi	150,000	
11	11B09	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	150,000	
12	11B09	Nguyễn Thu	Ngân	150,000	
13	11B09	Đoàn Quang	Nhân	150,000	
14	11B09	Đỗ Hoàng	Quân	150,000	
15	11B09	Nguyễn Hồ Minh	Tâm	150,000	
16	11B09	Lê Trần Thanh	Thúy	150,000	
17	11B09	Lê Trung	Tín	150,000	
				2,550,000	
1	11B10	Nguyễn Thị Phương	Anh	200,000	
2	11B10	Phí Tuấn	Anh	200,000	
3	11B10	Lê Nguyễn Quốc	Bảo	100,000	
4	11B10	Trịnh Ngọc	Danh	250,000	
5	11B10	Nguyễn Hoàng Anh	Duy	200,000	
6	11B10	Phạm Thị Mỹ	Duyên	200,000	
7	11B10	Nguyễn Ngọc Anh	Đào	200,000	
8	11B10	Đương Mỹ	Hà	200,000	
9	11B10	Trần Nguyễn Minh	Hào	200,000	
10	11B10	Đương Ngọc Bảo	Hân	200,000	
11	11B10	Vương Gia	Hân	200,000	
12	11B10	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	100,000	
13	11B10	Nguyễn Lê Phước	Hòa	100,000	
14	11B10	Phạm Gia	Huy	200,000	
15	11B10	Phan Xuân	Huy	200,000	
16	11B10	Lê Duy	Khang	100,000	
17	11B10	Thiều Gia	Khánh	100,000	
18	11B10	Trần Tuấn	Kiệt	150,000	
19	11B10	Trương Minh	Kiệt	200,000	
20	11B10	Phạm Hoàng Mỹ	Kim	200,000	
21	11B10	Trương Đặng Tiến	Minh	200,000	
22	11B10	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
23	11B10	Lê Thành	Nhân	200,000	
24	11B10	Âu Linh	San	200,000	
25	11B10	Trịnh Minh	Tài	100,000	
26	11B10	Huỳnh Đức Phương	Thảo	100,000	
27	11B10	Nguyễn Đức Trường	Thịnh	1,000,000	
28	11B10	Nguyễn Phúc	Thịnh	200,000	
29	11B10	Nguyễn Tất	Thịnh	200,000	
30	11B10	Nguyễn Võ Anh	Thư	200,000	
31	11B10	Phạm Vũ Quỳnh	Thư	200,000	
32	11B10	Mai Ngọc	Tiên	100,000	
33	11B10	Hồ Minh	Triết	200,000	
34	11B10	Trịnh Thanh	Trúc	100,000	
35	11B10	Phạm Nguyễn Tổ	Uyên	100,000	
36	11B10	Cao Thanh	Vân	200,000	
				7,000,000	
1	11B11	Lê Hoàng	Anh	150,000	
2	11B11	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	150,000	
3	11B11	Trương Hoàng Nhã	Anh	150,000	
4	11B11	Nguyễn Hoàng	Ân	150,000	
5	11B11	Trần Ngọc Thiên	Ân	150,000	
6	11B11	Lê Gia	Bảo	200,000	
7	11B11	Trần Gia	Bảo	150,000	
8	11B11	Lê Quang	Chính	150,000	
9	11B11	Trần Bảo	Duy	150,000	
10	11B11	Nguyễn Linh	Đan	150,000	
11	11B11	Đổng Vương Bảo	Đạt	150,000	
12	11B11	Huỳnh Gia	Đạt	150,000	
13	11B11	Nguyễn Hồ Bảo	Hân	150,000	
14	11B11	Man Huỳnh Bách	Hợp	150,000	
15	11B11	Nguyễn Đức	Huy	150,000	
16	11B11	Phạm Đình	Huy	150,000	
17	11B11	Nguyễn Đình	Khôi	150,000	
18	11B11	Dương Tuấn	Kiệt	200,000	
19	11B11	Nghiêm Đặng Thùy	Linh	150,000	
20	11B11	Nguyễn Phạm Phương	Mai	150,000	
21	11B11	Lý Công Hiền	Minh	200,000	
22	11B11	Nguyễn Quang	Minh	150,000	
23	11B11	Nguyễn Thu	Minh	150,000	
24	11B11	Đào Phương Thảo	Nhi	200,000	
25	11B11	Phạm Hoàng	Phát	200,000	
26	11B11	Đỗ Minh	Phúc	200,000	
27	11B11	Võ Hữu	Phúc	150,000	
28	11B11	Châu Lê Khánh	Phương	150,000	
29	11B11	Nguyễn Đắc Nhật	Quang	150,000	
30	11B11	Nguyễn Song	Quỳnh	150,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
31	11B11	Nguyễn Ngọc Đăng	Tâm	150,000	
32	11B11	Lê Quốc	Thái	200,000	
33	11B11	Trần Tấn	Thông	200,000	
34	11B11	Lê Thanh	Thùy	150,000	
35	11B11	Trần Hoàng Bảo	Thy	200,000	
36	11B11	Võ Trần Bảo	Trân	150,000	
37	11B11	Nguyễn Minh	Trí	150,000	
38	11B11	Nguyễn Trần Thuý	Trúc	150,000	
39	11B11	Nguyễn Anh	Tuấn	150,000	
40	11B11	Hồ Hoàng Phương	Uyên	150,000	
				6,450,000	
1	11B12	Nguyễn Xuân	An	100,000	
2	11B12	Phan Tuấn	Anh	100,000	
3	11B12	Bùi Quốc	Bảo	100,000	
4	11B12	Nguyễn Ngọc	Bích	100,000	
5	11B12	Võ Lê Tiến	Đạt	200,000	
6	11B12	Nguyễn Minh	Đức	100,000	
7	11B12	Lê Trung	Hiếu	110,000	
8	11B12	Ngô Nguyên	Kha	200,000	
9	11B12	Trương Duy	Khải	500,000	
10	11B12	Nguyễn Lê Nguyên	Khang	100,000	
11	11B12	Nguyễn Ngọc	Khánh	100,000	
12	11B12	Đỗ Trọng	Khoa	110,000	
13	11B12	Hoàng Khánh	Linh	100,000	
14	11B12	Trần Ngọc Ánh	Linh	100,000	
15	11B12	Hồ Minh	Long	100,000	
16	11B12	Đặng Quang	Minh	100,000	
17	11B12	Lê Văn	Minh	100,000	
18	11B12	Huỳnh Nhật	Nam	100,000	
19	11B12	Trương Thanh	Ngân	100,000	
20	11B12	Phan Lê Bảo	Ngọc	100,000	
21	11B12	Nguyễn Đình An	Nguyên	200,000	
22	11B12	Trần Quang Minh	Nhật	200,000	
23	11B12	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	100,000	
24	11B12	Lê Hoàng	Phúc	100,000	
25	11B12	Trần Thành	Phúc	100,000	
26	11B12	Võ Nguyễn Mai	Phương	100,000	
27	11B12	Võ Công	Thành	110,000	
28	11B12	Ngô Hoàng Anh	Thư	200,000	
29	11B12	Huỳnh Bảo	Trân	200,000	
30	11B12	Nguyễn Hoài	Trung	100,000	
31	11B12	Phạm Trần Minh	Tuấn	100,000	
32	11B12	Vòng Quang	Tuyên	100,000	
33	11B12	Nguyễn Thị Hải	Yên	100,000	
				4,330,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
1	11B13	Nguyễn Thị Kim	Anh	100,000	
2	11B13	Trần Diệu	Anh	100,000	
3	11B13	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	100,000	
4	11B13	Đinh Hương	Giang	100,000	
5	11B13	Hà Gia	Hân	100,000	
6	11B13	Hồ Ngọc	Hân	100,000	
7	11B13	Nguyễn Thị Thu	Huyền	100,000	
8	11B13	Huỳnh Mai Thanh	Hưng	100,000	
9	11B13	Nguyễn Huy	Kha	100,000	
10	11B13	Trần Đăng	Khoa	100,000	
11	11B13	Lý Tú	Linh	100,000	
12	11B13	Hồ Phan Phúc	Lộc	100,000	
13	11B13	Nguyễn Quốc	Lộc	100,000	
14	11B13	Lê Phương	Mai	100,000	
15	11B13	Trương Khánh	Mai	100,000	
16	11B13	Phan Thảo	Minh	100,000	
17	11B13	Văn Đức	Minh	100,000	
18	11B13	Lại Ngọc Kim	Ngân	100,000	
19	11B13	Lê Thanh	Ngân	100,000	
20	11B13	Nguyễn Lê Yến	Ngọc	100,000	
21	11B13	Nguyễn Minh	Ngọc	100,000	
22	11B13	Phạm Đức	Nguyên	100,000	
23	11B13	Lưu Trí	Nhân	100,000	
24	11B13	Nguyễn Quang Minh	Nhật	100,000	
25	11B13	Bùi Hà Mai	Nhiên	100,000	
26	11B13	Bùi Quỳnh	Như	100,000	
27	11B13	Nguyễn Trịnh Hồng	Phúc	100,000	
28	11B13	Nguyễn Trịnh Thanh	Phúc	100,000	
29	11B13	Đặng Bích	Quyên	100,000	
30	11B13	Nguyễn	Tài	100,000	
31	11B13	Nguyễn Phương	Thảo	100,000	
32	11B13	Quách Phương	Thuận	100,000	
33	11B13	Võ Thị Minh	Thúy	100,000	
34	11B13	Huỳnh Gia	Thư	100,000	
35	11B13	Ngô Bảo	Trâm	100,000	
36	11B13	Đặng Bảo	Trân	100,000	
37	11B13	Nguyễn Thành	Trung	100,000	
38	11B13	Vòng Tịnh	Văn	100,000	
39	11B13	Trần Mỹ Ái	Viên	100,000	
				3,900,000	
1	11B14	Lớp đóng 7.050.000 nhưng danh sách chỉ có 6.950.000. còn thừa 100.000 không biết của phụ huynh nào		100,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
2	11B14	Lê Phúc	Anh	100,000	
3	11B14	Mai Thế	Anh	100,000	
4	11B14	Ngô Duy	Bảo	100,000	
5	11B14	Trần Đoàn Mỹ	Duyên	100,000	
6	11B14	Cao Thùy	Dương	100,000	
7	11B14	Hồ Ngọc Quỳnh	Giang	100,000	
8	11B14	Lê Ngọc	Hân	200,000	
9	11B14	Nguyễn Đỗ Phi	Hân	500,000	
10	11B14	Vũ Phúc Minh	Khang	100,000	
11	11B14	Trương Hoàng	Khôi	100,000	
12	11B14	Nguyễn Hoàng	Long	100,000	
13	11B14	Nguyễn Hữu	Long	200,000	
14	11B14	Trần Quang	Long	200,000	
15	11B14	Đinh Cao Ngọc	Mai	300,000	
16	11B14	Nguyễn Tiến	Minh	100,000	
17	11B14	Võ Hoàng	Minh	100,000	
18	11B14	Nguyễn Trần Kim	Ngân	100,000	
19	11B14	Nguyễn Du	Nghi	500,000	
20	11B14	Nguyễn Trần Bảo	Nghi	50,000	
21	11B14	Vòng Gia	Nghi	200,000	
22	11B14	Lê Kim	Ngọc	500,000	
23	11B14	Lê Trần Bảo	Ngọc	200,000	
24	11B14	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	100,000	
25	11B14	Vũ Bình	Nguyên	100,000	
26	11B14	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	100,000	
27	11B14	Vi	Phát	200,000	
28	11B14	Lê Nguyễn Thiên	Phúc	100,000	
29	11B14	Nguyễn Minh	Quang	200,000	
30	11B14	Bùi Xuân	Quỳnh	100,000	
31	11B14	Huỳnh Trần Minh	Tâm	500,000	
32	11B14	Hồ Anh	Thảo	100,000	
33	11B14	Lê Nguyễn Xuân	Thùy	100,000	
34	11B14	Huỳnh Minh	Thư	100,000	
35	11B14	Nguyễn Anh	Thư	100,000	
36	11B14	Phạm Vũ Uyên	Trâm	200,000	
37	11B14	Trần Hoàng Bảo	Trí	100,000	
38	11B14	Trần Thị Thùy	Trinh	200,000	
39	11B14	Tổng Quang	Vinh	100,000	
40	11B14	Nguyễn Châu Nhật	Vy	200,000	
41	11B14	Trương Nguyễn Hải	Yên	300,000	
				7,050,000	
	11B15			5,650,000	
1	11B16	Lê Minh	Anh	200,000	
2	11B16	Tô Bội	Ân	200,000	
3	11B16	Lưu Nguyễn Thùy	Dương	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
4	11B16	Phan Ánh	Dương	200,000	
5	11B16	Lê Nguyễn Tấn	Đức	200,000	
6	11B16	Lưu Văn Thiện	Huỳnh	200,000	
7	11B16	Đoàn Minh	Khang	200,000	
8	11B16	Hoàng Bích	Khuê	200,000	
9	11B16	Nguyễn Tấn	Lộc	200,000	
10	11B16	Nguyễn Văn	Lực	200,000	
11	11B16	Huỳnh Xuân	Nghi	200,000	
12	11B16	Đinh Phạm Quốc	Nhật	200,000	
13	11B16	Nguyễn Đỗ Phương	Nhi	200,000	
14	11B16	Phạm Lê Uyên	Nhi	200,000	
15	11B16	Lương Minh	Phúc	200,000	
16	11B16	Hồ Tân Hồng	Phước	200,000	
17	11B16	Lê Hà	Phương	200,000	
18	11B16	Trần Ngọc Tú	Quyên	200,000	
19	11B16	Trần Kính	Tài	200,000	
20	11B16	Nguyễn Phương	Tâm	200,000	
21	11B16	Trần Tiến	Thành	200,000	
22	11B16	Huỳnh Hoàng Anh	Thư	200,000	
23	11B16	Nguyễn Minh	Thư	200,000	
24	11B16	Võ Tô Song	Thương	200,000	
25	11B16	Võ Ngọc Bảo	Trân	200,000	
26	11B16	Nguyễn Mậu	Tuân	200,000	
27	11B16	Nguyễn Phạm Thanh	Tùng	200,000	
28	11B16	Huỳnh Tường Nhã	Vân	200,000	
29	11B16	Trần Quang	Vinh	200,000	
30	11B16	Phạm Ngọc Như	Ý	200,000	
				6,000,000	
1	11B17	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	200,000	
2	11B17	Võ Thiên	Bảo	200,000	
3	11B17	Nguyễn Gia Bảo	Châu	200,000	
4	11B17	Trần Nhật Khánh	Đoan	200,000	
5	11B17	Trần Gia	Hân	200,000	
6	11B17	Lê Trần Hữu	Khánh	500,000	
7	11B17	Đỗ Kim	Long	200,000	
8	11B17	Mai Phương	Ly	200,000	
9	11B17	Phạm Ngọc	Nga	200,000	
10	11B17	Nguyễn Phương Bảo	Nghi	200,000	
11	11B17	Trương Trọng	Nghĩa	200,000	
12	11B17	Nguyễn Kim	Ngọc	200,000	
13	11B17	Nguyễn Võ Khánh	Ngọc	200,000	
14	11B17	Tô Phạm Gia	Nguyên	200,000	
15	11B17	Phan Xuân Phương	Như	200,000	
16	11B17	Ngô Hoàng	Phát	200,000	
17	11B17	Đào Thị Tố	Quyên	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
18	11B17	Đỗ Nguyễn Đan	Quỳnh	200,000	
19	11B17	Đỗ Thanh	Thảo	200,000	
20	11B17	Võ Ngọc Anh	Thư	200,000	
21	11B17	Vũ Hoàng Minh	Thư	200,000	
22	11B17	Hoàng Đình	Toàn	200,000	
23	11B17	Nguyễn Hoàng Thanh	Trang	200,000	
24	11B17	Bùi Nguyễn Minh	Trâm	200,000	
25	11B17	Nguyễn Lê Mai	Trâm	200,000	
26	11B17	Hồ Việt	Triết	200,000	
27	11B17	Nguyễn Phương	Vy	200,000	
				5,700,000	
	11B18			6,000,000	
1	10C01	Lớp đóng 6.500.000 nhưng danh sách chỉ có 6.450.000. còn thừa 50.000 không biết của phụ huynh nào		50,000	
2	10C01	Lê Thái	An	150,000	
3	10C01	Trần Thuý	An	150,000	
4	10C01	Nguyễn Phương	Anh	150,000	
5	10C01	Nguyễn Thị Trâm	Anh	150,000	
6	10C01	Phạm Ngọc	Anh	150,000	
7	10C01	Đình Gia	Bảo	150,000	
8	10C01	Hồ Minh	Cường	150,000	
9	10C01	Nguyễn Trí	Dũng	150,000	
10	10C01	Trần Đức	Dũng	150,000	
11	10C01	Trần Thùy Mỹ	Duyên	150,000	
12	10C01	Lê Xuân Thành	Đạt	150,000	
13	10C01	Nguyễn Ngân	Hà	150,000	
14	10C01	Lê Khả	Hân	150,000	
15	10C01	Vũ Thiên Hồng	Hoa	150,000	
16	10C01	Trần Huy	Hùng	150,000	
17	10C01	Quách Nguyễn Bá	Hưng	150,000	
18	10C01	Lê Chí	Khang	150,000	
19	10C01	Nguyễn Hoàng	Khanh	150,000	
20	10C01	Hoàng Nguyễn Ngọc	Khoa	150,000	
21	10C01	Đặng Cát	Lâm	150,000	
22	10C01	Nguyễn Trần Nhật	Linh	150,000	
23	10C01	Nguyễn Xuân	Mai	150,000	
24	10C01	Trần Nguyễn Hiếu	Minh	150,000	
25	10C01	Trần Quang	Minh	150,000	
26	10C01	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	150,000	
27	10C01	Lê Trần Yến	Ngọc	150,000	
28	10C01	Trần Lương Minh	Ngọc	150,000	
29	10C01	Đặng Nguyễn Thiện	Nhân	150,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
30	10C01	Thái Bảo	Nhi	150,000	
31	10C01	Cao Đức	Phát	150,000	
32	10C01	Đoàn Vũ Thanh	Phong	150,000	
33	10C01	Nguyễn Lâm Hoàng	Phúc	150,000	
34	10C01	Trịnh Mai	Phúc	150,000	
35	10C01	Nguyễn Ngọc Huệ	Phương	150,000	
36	10C01	Trương Diễm	Quân	150,000	
37	10C01	Nguyễn Hữu	Tài	150,000	
38	10C01	Lê Hoàng Mỹ	Thanh	150,000	
39	10C01	Ngô Hoàng	Thiện	150,000	
40	10C01	Thái Minh	Thượng	150,000	
41	10C01	Nguyễn Thị Phương	Trang	150,000	
42	10C01	Đặng Minh	Trí	150,000	
43	10C01	Phan Ling Việt	Trung	150,000	
44	10C01	Đinh Ngọc Thanh	Vân	150,000	
				6,500,000	
1	10C02	Nguyễn Đặng Duy	An	200,000	
2	10C02	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	200,000	
3	10C02	Lê Sỹ	Cường	200,000	
4	10C02	Tô Thùy	Dương	200,000	
5	10C02	Nguyễn Tiến	Đạt	200,000	
6	10C02	Tô Thanh	Hân	200,000	
7	10C02	Trương Phạm Thu	Hoài	200,000	
8	10C02	Đặng Lê Gia	Huy	200,000	
9	10C02	Nguyễn Đức	Huy	200,000	
10	10C02	Ngô Võ Phương	Huyền	200,000	
11	10C02	Trần Sáng	Hưng	200,000	
12	10C02	Nguyễn Đăng	Khoa	200,000	
13	10C02	Lâm Nguyên	Khôi	200,000	
14	10C02	Trương Thùy	Lâm	200,000	
15	10C02	Phạm Thanh	Mai	200,000	
16	10C02	Đoàn Tuệ	Minh	200,000	
17	10C02	Lê Trần Bảo	My	200,000	
18	10C02	Nguyễn Thanh	Nam	200,000	
19	10C02	Huỳnh Song	Ngân	200,000	
20	10C02	Lục Trọng	Nghĩa	200,000	
21	10C02	Nguyễn Đắc	Nguyên	200,000	
22	10C02	Đỗ Thành	Nhân	200,000	
23	10C02	Huỳnh Ngọc Thảo	Nhi	200,000	
24	10C02	Hà Xuân	Phát	200,000	
25	10C02	Nguyễn Vũ Hoàng	Phúc	200,000	
26	10C02	Phan Lâm Uyên	Phương	200,000	
27	10C02	Nguyễn Thị Như	Quý	200,000	
28	10C02	Nguyễn Thành	Tài	200,000	
29	10C02	Lê Nhật	Tân	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
30	10C02	Bùi Phương	Thảo	200,000	
31	10C02	Nguyễn Minh	Thiện	200,000	
32	10C02	Hồ Phạm Anh	Thy	200,000	
33	10C02	Nguyễn Vũ Thùy	Trang	200,000	
34	10C02	Nguyễn Nhật Minh	Trí	200,000	
35	10C02	Lê Nữ Kiều	Trường	200,000	
36	10C02	Bùi Quốc	Việt	200,000	
37	10C02	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	200,000	
				7,400,000	
1	10C03	Nguyễn Đoàn Vy	An	200,000	
2	10C03	Đào Hà	Anh	200,000	
3	10C03	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	100,000	
4	10C03	Phan Phú	Dĩnh	200,000	
5	10C03	Võ Tấn	Dũng	200,000	
6	10C03	Trần Nguyễn Thùy	Dương	200,000	
7	10C03	Trần Nguyễn Gia	Hân	200,000	
8	10C03	Nguyễn Huy	Hoàng	100,000	
9	10C03	Đỗ Nhật	Huy	200,000	
10	10C03	Phạm Ngọc Khánh	Huyền	200,000	
11	10C03	Lê Ngọc Quỳnh	Hương	200,000	
12	10C03	Ngô Gia	Khang	200,000	
13	10C03	Nguyễn Mai	Khanh	200,000	
14	10C03	Huỳnh Minh	Khánh	200,000	
15	10C03	Nguyễn Lê Mạnh	Kiên	100,000	
16	10C03	Thái Bảo	Long	200,000	
17	10C03	Nguyễn Tăng	Lực	500,000	
18	10C03	Bùi Quang	Minh	500,000	
19	10C03	Nguyễn Trần Hải	My	200,000	
20	10C03	Mã Thị Thảo	Ngân	200,000	
21	10C03	Nguyễn Hải	Ngân	200,000	
22	10C03	Mai Bảo	Ngọc	200,000	
23	10C03	Lý Trung	Nguyên	200,000	
24	10C03	Nguyễn Thiện	Nhân	100,000	
25	10C03	Trương Phan Phú	Nhân	200,000	
26	10C03	Lữ Xuân	Nhung	200,000	
27	10C03	Lê Hồ Thiên	Phát	200,000	
28	10C03	Đào Trọng	Phú	200,000	
29	10C03	Chu Hoàng Diễm	Quỳnh	100,000	
30	10C03	Quan Như	Tâm	100,000	
31	10C03	Phạm Thị Phương	Thảo	200,000	
32	10C03	Đặng Đức	Thông	500,000	
33	10C03	Văn Quý	Thy	100,000	
34	10C03	Bùi Thủy	Tiên	200,000	
35	10C03	Lê Hoàng Ngọc	Trâm	200,000	
36	10C03	Lê Minh	Triết	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
37	10C03	Nguyễn Chánh	Triết	100,000	
38	10C03	Lê Khả	Tú	200,000	
39	10C03	Thái Ngọc Tường	Vi	200,000	
40	10C03	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	100,000	
				8,000,000	
1	10C04	Nguyễn Hải	An	5,000,000	
2	10C04	Phạm Quốc	Anh	100,000	
3	10C04	Trần Lan	Anh	200,000	
4	10C04	Đặng Bảo	Châu	100,000	
5	10C04	Phan Bạch	Diệp	200,000	
6	10C04	Lê Minh	Duy	200,000	
7	10C04	Nguyễn Hữu Phi	Duy	100,000	
8	10C04	Hoàng Trung	Hải	200,000	
9	10C04	Nguyễn Dương Minh	Hiếu	200,000	
10	10C04	Nguyễn Huy	Hoàng	200,000	
11	10C04	Trịnh Thanh	Huyền	200,000	
12	10C04	Nguyễn Huỳnh	Hương	200,000	
13	10C04	Bùi Vũ Đăng	Khoa	200,000	
14	10C04	Thân Đức	Kiên	200,000	
15	10C04	Đoàn Ngọc Khánh	Linh	200,000	
16	10C04	Vòng Diệu	Long	200,000	
17	10C04	Trịnh Lê Hoàng	Minh	100,000	
18	10C04	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	200,000	
19	10C04	Nguyễn Bích	Ngọc	200,000	
20	10C04	Lý Võ Khôi	Nguyên	200,000	
21	10C04	Nguyễn Tấn	Phát	200,000	
22	10C04	Nguyễn Vĩnh	Phổ	200,000	
23	10C04	Nguyễn Gia	Phú	200,000	
24	10C04	Trần Lê Thanh	Phương	200,000	
25	10C04	Lê Anh	Quân	200,000	
26	10C04	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	100,000	
27	10C04	Lê Đức	Tân	200,000	
28	10C04	Võ Thị Phương	Thảo	200,000	
29	10C04	Đặng Hồng Tiên	Tiên	200,000	
30	10C04	Đoàn Sơn Ngọc	Trang	200,000	
31	10C04	Nguyễn Hồ Ngọc	Trâm	300,000	
32	10C04	Phạm Huỳnh Phương	Trâm	200,000	
33	10C04	Nguyễn Minh	Trúc	200,000	
34	10C04	Nguyễn Thanh	Tú	200,000	
35	10C04	Lê Mai	Vy	200,000	
				11,400,000	
1	10C05	Nguyễn Thị Phước	An	200,000	
2	10C05	Văn Quỳnh	Anh	400,000	
3	10C05	Nguyễn Trần Bảo	Châu	200,000	
4	10C05	Lê Ngọc	Dung	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
5	10C05	Lê Minh	Duy	200,000	
6	10C05	Phạm Phúc Uyên	Đang	200,000	
7	10C05	Vũ Thuý	Hằng	200,000	
8	10C05	Phạm Minh	Hoàng	200,000	
9	10C05	Lê Hoàng	Huy	200,000	
10	10C05	Nguyễn Đình Quốc	Khánh	200,000	
11	10C05	Võ Đăng	Khoa	300,000	
12	10C05	Diệp Tuấn	Kiệt	500,000	
13	10C05	Hoàng Khánh	Linh	200,000	
14	10C05	Vũ Hoàng Vĩnh	Lộc	200,000	
15	10C05	Hồ Quang	Minh	200,000	
16	10C05	Võ Phú Nhã	My	500,000	
17	10C05	Phan Lê Bảo	Ngân	500,000	
18	10C05	Phan Thành	Nghĩa	200,000	
19	10C05	Đoàn Nguyễn Phúc	Nguyên	200,000	
20	10C05	Cao Minh	Nhật	200,000	
21	10C05	Đinh Vũ Ái	Như	200,000	
22	10C05	Hoàng Diễm	Như	200,000	
23	10C05	Nguyễn Thiên	Phát	200,000	
24	10C05	Trương Công	Phú	400,000	
25	10C05	Trần Thiên	Phúc	200,000	
26	10C05	Lê Võ Nhật	Quang	200,000	
27	10C05	Vũ Phương	Thảo	200,000	
28	10C05	Trần Thanh	Thúy	200,000	
29	10C05	Nguyễn Minh	Thư	200,000	
30	10C05	Nguyễn Thị Phương	Trinh	200,000	
31	10C05	Nguyễn Minh	Vũ	200,000	
32	10C05	Trần Nguyễn Tường	Vy	200,000	
33	10C05	Hồ Thị Như	Ý	200,000	
				8,000,000	
	10C06			6,000,000	
1	10C07	Phạm Thanh	An	100,000	
2	10C07	Đỗ Ngọc Quỳnh	Anh	100,000	
3	10C07	Nguyễn Nhật	Anh	100,000	
4	10C07	Phan Thị Phương	Anh	100,000	
5	10C07	Trần Thiên	Ân	100,000	
6	10C07	Nguyễn Lương	Chấn	100,000	
7	10C07	Nguyễn Thu	Dung	100,000	
8	10C07	Hứa Đăng Hải	Đăng	200,000	
9	10C07	Nguyễn Phan Hương	Giang	200,000	
10	10C07	Nguyễn Tăng Nhã	Hân	100,000	
11	10C07	Hồ Lê Nhân	Huân	100,000	
12	10C07	Nguyễn Cao	Huân	200,000	
13	10C07	Lê Long	Hưng	100,000	
14	10C07	Phạm Viết	Hữu	100,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
15	10C07	Phan Trần Bảo	Khang	200,000	
16	10C07	Đoàn Nhật Anh	Khoa	100,000	
17	10C07	Mai Nguyễn Đăng	Khoa	100,000	
18	10C07	Nguyễn Tuấn	Kiệt	100,000	
19	10C07	Hoàng Nhật	Nam	100,000	
20	10C07	Bùi Hoàng Bảo	Ngọc	100,000	
21	10C07	Đỗ Lê Bích	Ngọc	100,000	
22	10C07	Tạ Minh Bình	Nguyên	100,000	
23	10C07	Nguyễn Minh	Nhật	100,000	
24	10C07	Phan Vĩnh	Nhật	100,000	
25	10C07	Phan Huỳnh Gia	Phát	100,000	
26	10C07	Nguyễn Hoàng Gia	Phúc	100,000	
27	10C07	Lâm Trà Nam	Phương	100,000	
28	10C07	Nguyễn Thanh	Sang	100,000	
29	10C07	Nguyễn Trọng	Tấn	100,000	
30	10C07	Huỳnh Anh	Thư	100,000	
31	10C07	Phạm Nguyễn Bảo	Trân	100,000	
32	10C07	Nguyễn Ngọc Thuỷ	Trúc	100,000	
33	10C07	Đinh Lê Phương	Vy	100,000	
34	10C07	Nguyễn Tuấn	Thành	500,000	
35	10C07	Đoàn Nguyên Khả	Yên	100,000	
				4,300,000	
1	10C08	Nguyễn Nhựt Kim	Anh	200,000	
2	10C08	Phạm Hà	Anh	200,000	
3	10C08	Nguyễn Hoàng	Bách	200,000	
4	10C08	Thái Châu Khánh	Duyên	100,000	
5	10C08	Nguyễn Bình Phương	Đăng	200,000	
6	10C08	Nguyễn Liên	Hà	200,000	
7	10C08	Phạm Thị Gia	Hân	200,000	
8	10C08	Đỗ Minh	Hùng	200,000	
9	10C08	Triệu Nam	Hy	200,000	
10	10C08	Nguyễn Công Thoại	Khanh	200,000	
11	10C08	Lương Quốc	Khánh	200,000	
12	10C08	Huỳnh Minh	Khôi	200,000	
13	10C08	Tôn Nữ Như	Khuê	200,000	
14	10C08	Hà Ngọc	Mai	200,000	
15	10C08	Ngô Khải	Nam	200,000	
16	10C08	Võ Ngọc	Ngân	200,000	
17	10C08	Lê Bảo	Ngọc	200,000	
18	10C08	Nguyễn Huỳnh Khánh	Ngọc	200,000	
19	10C08	Phan Minh	Nhật	100,000	
20	10C08	Phạm Yến	Nhi	200,000	
21	10C08	Võ Mai	Như	200,000	
22	10C08	Lê Quang	Thái	200,000	
23	10C08	Trương Quang	Thi	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
24	10C08	Đoàn Ngọc Minh	Thư	200,000	
25	10C08	Bùi Xuân	Trí	200,000	
26	10C08	Hồ Nguyễn Lan	Uyên	100,000	
27	10C08	Nguyễn Phương	Vi	200,000	
28	10C08	Huỳnh Trần Khánh	Vy	200,000	
29	10C08	Lê Ngọc Như	Ý	200,000	
				5,500,000	
	10C09			8,800,000	
1	10C10	Lầu Phú	An	100,000	
2	10C10	Nguyễn Lương Hồng	Anh	500,000	
3	10C10	Hoàng Hà	Dung	200,000	
4	10C10	Phan Trần Linh	Đan	200,000	
5	10C10	Lê Anh	Giang	100,000	
6	10C10	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giang	200,000	
7	10C10	Dương Xuân	Hoa	100,000	
8	10C10	Đinh Công Gia	Huy	100,000	
9	10C10	Lương Vũ An	Khang	100,000	
10	10C10	Mai Nguyễn Anh	Khoa	200,000	
11	10C10	Nguyễn Phúc	Kiên	200,000	
12	10C10	Trần	Lâm	300,000	
13	10C10	Nguyễn Phát	Lộc	100,000	
14	10C10	Huỳnh Tấn	Nam	100,000	
15	10C10	Lê Cao Kim	Ngân	200,000	
16	10C10	Phan Thị Thanh	Ngân	200,000	
17	10C10	Đoàn Lê Gia	Nghi	100,000	
18	10C10	Huỳnh Phúc	Nguyên	100,000	
19	10C10	Lê Đình	Nhân	300,000	
20	10C10	Trần Ngọc Bảo	Nhi	200,000	
21	10C10	Phạm Tấn	Phát	200,000	
22	10C10	Nguyễn Hoàng Gia	Phú	100,000	
23	10C10	Nguyễn Hà	Phương	200,000	
24	10C10	Nguyễn Hà	Quân	300,000	
25	10C10	Nguyễn Hồ Diễm	Quỳnh	200,000	
26	10C10	Phan Nữ Hoàng	Tâm	100,000	
27	10C10	Diệp Thanh	Thảo	200,000	
28	10C10	Phạm An	Thuyên	200,000	
29	10C10	Trần Hồ Anh	Thư	50,000	
30	10C10	Nguyễn Thái Đức	Toàn	500,000	
31	10C10	Trần Hoàng Yến	Trang	100,000	
32	10C10	Nguyễn Thị Thủy	Vân	100,000	
33	10C10	Dương Nguyễn Kiều	Vy	200,000	
34	10C10	Phan Nguyễn Tường	Vy	200,000	
35	10C10	Nguyễn Lê Thanh	Xuân	200,000	
36	10C10	Hà Gia	Yến	100,000	
				6,550,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
1	10C11	Lê Văn	An	100,000	
2	10C11	Nguyễn Thọ Châu	An	100,000	
3	10C11	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	200,000	
4	10C11	Lê Hoàng Ngọc	Ánh	500,000	
5	10C11	Nguyễn Minh	Châu	200,000	
6	10C11	Nguyễn Kim	Dung	50,000	
7	10C11	Ngô Trần Quốc	Duy	100,000	
8	10C11	Lê Trần Minh	Đạt	2,000,000	
9	10C11	Lê Vũ Hương	Giang	100,000	
10	10C11	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	100,000	
11	10C11	Trần Gia	Hoà	100,000	
12	10C11	Trần Thuỳ	Lâm	100,000	
13	10C11	Nguyễn Ánh	Linh	50,000	
14	10C11	Trần Nguyễn Khánh	Linh	100,000	
15	10C11	Nguyễn Ngọc	Mai	100,000	
16	10C11	Nguyễn Trần An	Nam	450,000	
17	10C11	Trần Hoàng Hiếu	Ngân	100,000	
18	10C11	Hoàng Minh Bảo	Nghi	100,000	
19	10C11	Vũ Nguyễn Khải	Nguyên	500,000	
20	10C11	Trần Minh	Phú	100,000	
21	10C11	Nguyễn Đỗ Vinh	Quang	500,000	
22	10C11	Nguyễn Tú	Quyên	50,000	
23	10C11	Trần Thị Hương	Quỳnh	50,000	
24	10C11	Vũ Thị Minh	Tâm	50,000	
25	10C11	Nguyễn Thị Thanh	Thuý	100,000	
26	10C11	Nguyễn Minh	Thy	50,000	
27	10C11	Trương Gia	Toàn	100,000	
28	10C11	Nguyễn Ngô Tú	Trâm	500,000	
29	10C11	Lê Nguyễn Mỹ	Uyên	100,000	
30	10C11	Trần Ngọc Thảo	Vi	100,000	
31	10C11	Nguyễn Văn Hữu	Vinh	50,000	
32	10C11	Đỗ Thị Thúy	Vy	100,000	
33	10C11	Phạm Phương	Vy	100,000	
				7,000,000	
	10C12			7,200,000	
1	10C13	Lê Phạm Mai	Anh	100,000	
2	10C13	Nguyễn Quỳnh	Anh	200,000	
3	10C13	Lê Hoàng Ngọc	Hân	200,000	
4	10C13	Phùng Ngọc Gia	Hân	200,000	
5	10C13	Mai Hồ Minh	Huy	200,000	
6	10C13	Lại Vũ Minh	Khang	200,000	
7	10C13	Trần Anh	Khôi	200,000	
8	10C13	Lâm Thiên	Kim	200,000	
9	10C13	Trương Gia	Linh	200,000	
10	10C13	Võ Tấn	Lộc	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
11	10C13	Nguyễn Lê Thảo	My	200,000	
12	10C13	Đoàn Gia	Nghi	100,000	
13	10C13	Phạm Diễm	Ngọc	200,000	
14	10C13	Phạm Yển	Nhi	200,000	
15	10C13	Trương Thị Kim	Nhi	200,000	
16	10C13	Phạm Đặng Yển	Oanh	200,000	
17	10C13	Trần Quốc	Phú	200,000	
18	10C13	Huỳnh Nguyễn Hồng	Phúc	200,000	
19	10C13	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	200,000	
20	10C13	Nguyễn Nhật	Thành	200,000	
21	10C13	Võ Ngọc Trang	Thư	200,000	
22	10C13	Nguyễn Mạc Xuân	Tiên	200,000	
23	10C13	Đặng Lê Ngọc	Trâm	200,000	
24	10C13	Võ Nguyễn Minh	Triết	200,000	
25	10C13	Lê Nguyễn Phương	Uyên	500,000	
26	10C13	Huỳnh Ngọc Thanh	Vy	200,000	
27	10C13	Nguyễn Ngọc Trúc	Vy	200,000	
				5,500,000	
1	10C14	Nguyễn Hồng Quế	Anh	200,000	
2	10C14	Lê Quang Vệ	Giang	200,000	
3	10C14	Nguyễn Lê Gia	Hân	50,000	
4	10C14	Huỳnh Quang	Huy	50,000	
5	10C14	Hồ Gia	Hưng	100,000	
6	10C14	Mai Trung	Kiên	200,000	
7	10C14	Nguyễn Phúc	Lợi	200,000	
8	10C14	Nguyễn Phạm Thanh	Mỹ	200,000	
9	10C14	Lê Khánh	Nam	200,000	
10	10C14	Nguyễn Trịnh Khánh	Ngân	100,000	
11	10C14	Nguyễn Thị Như	Ngọc	100,000	
12	10C14	Hứa Uyển	Nhi	100,000	
13	10C14	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	200,000	
14	10C14	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	200,000	
15	10C14	Đinh Lan Quỳnh	Như	200,000	
16	10C14	Đặng Thiên	Phú	50,000	
17	10C14	Lê Phan Gia	Phúc	200,000	
18	10C14	Mai Anh	Quân	100,000	
19	10C14	Nguyễn Hải	Sang	200,000	
20	10C14	Nguyễn Minh	Thư	100,000	
21	10C14	Nguyễn Bảo	Thy	100,000	
22	10C14	Nguyễn Thị Bảo	Trân	200,000	
23	10C14	Dương Thị Thanh	Trúc	100,000	
24	10C14	Đoàn Ngọc Bảo	Uyên	100,000	
25	10C14	Nguyễn Huỳnh Minh	Uyên	100,000	
26	10C14	Phan Thảo	Vy	100,000	
				3,650,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
1	10C15	Lê Nguyễn Khánh	An	150,000	
2	10C15	Võ Lưu	An	500,000	
3	10C15	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	150,000	
4	10C15	Hoàng Thiên	Ân	150,000	
5	10C15	Lê Trung	Bảo	150,000	
6	10C15	Phan Thị Hoàng	Châu	150,000	
7	10C15	Đinh Bảo	Duy	150,000	
8	10C15	Lu Nhân	Đạt	150,000	
9	10C15	Phạm Ngọc Khánh	Đoan	150,000	
10	10C15	Trần Ngọc Thiên	Hà	150,000	
11	10C15	Bùi Thanh	Hiền	150,000	
12	10C15	Nguyễn Việt	Hoàng	150,000	
13	10C15	Trương Minh	Huy	150,000	
14	10C15	Lại Ngọc Quỳnh	Hương	150,000	
15	10C15	Dương Thế	Khang	150,000	
16	10C15	Tạ Vinh	Khang	150,000	
17	10C15	Lưu Đăng	Khánh	150,000	
18	10C15	Hồ Lê Minh	Khiết	150,000	
19	10C15	Phạm	Kiên	150,000	
20	10C15	Võ Ý	Lan	150,000	
21	10C15	Nguyễn Bảo	Long	150,000	
22	10C15	Nguyễn Huỳnh Xuân	Mai	150,000	
23	10C15	Phạm Hoàng Quang	Minh	150,000	
24	10C15	Đoàn Nguyễn Ngọc	My	150,000	
25	10C15	Trần Nguyễn Thanh	Nam	150,000	
26	10C15	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngân	150,000	
27	10C15	Trương Kim	Ngân	150,000	
28	10C15	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	150,000	
29	10C15	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	150,000	
30	10C15	Nguyễn Đình Ngọc	Nhi	150,000	
31	10C15	Đỗ Võ Huy	Phát	150,000	
32	10C15	Lê Vĩnh	Phúc	150,000	
33	10C15	Vương Hoàng	Phúc	150,000	
34	10C15	Lê Hoàng	Quân	150,000	
35	10C15	Phan Nguyễn Khánh	Quỳnh	150,000	
36	10C15	Trần Dương Tâm	Thắng	150,000	
37	10C15	Nguyễn Trần Thanh	Thiên	150,000	
38	10C15	Lương Gia	Thịnh	150,000	
39	10C15	Đinh Minh	Thư	150,000	
40	10C15	Lê Đức	Trí	150,000	
41	10C15	Dương Ngọc Sơn	Tùng	150,000	
42	10C15	Lưu Thụy Lê	Vân	150,000	
43	10C15	Nguyễn Thế	Vinh	150,000	
44	10C15	Nguyễn Hồ Phương	Vy	150,000	
45	10C15	Tân Nguyễn Tường	Vy	150,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
				7,100,000	
	10C16			6,000,000	
1	10C17	Lê Nguyễn Nhật	Anh	150,000	
2	10C17	Phạm Đỗ Phương	Anh	100,000	
3	10C17	Dương Quốc	Bảo	100,000	
4	10C17	Đoàn Bảo	Châu	200,000	
5	10C17	Bùi Nhật	Dũng	200,000	
6	10C17	Nguyễn Bảo	Đạt	100,000	
7	10C17	Nguyễn Thụy Ngọc	Hân	150,000	
8	10C17	Huỳnh Minh	Huy	200,000	
9	10C17	Nguyễn Văn Hà	Huy	100,000	
10	10C17	Nguyễn Mai	Hương	200,000	
11	10C17	Trần Nguyễn Duy	Khang	100,000	
12	10C17	Huỳnh Doãn Gia	Khiêm	100,000	
13	10C17	Võ Tuấn	Kiệt	150,000	
14	10C17	Đỗ Ngọc Phương	Linh	150,000	
15	10C17	Nguyễn Đắc	Lợi	150,000	
16	10C17	Đinh Quang	Minh	200,000	
17	10C17	Châu Hoàng	My	200,000	
18	10C17	Trần Hải	My	200,000	
19	10C17	Bùi Vũ Bảo	Ngọc	200,000	
20	10C17	Phạm Hồ Thanh	Phong	100,000	
21	10C17	Trần Thành	Phú	150,000	
22	10C17	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	150,000	
23	10C17	Trần Nguyễn Cúc	Phương	150,000	
24	10C17	Trần Ái	Quốc	200,000	
25	10C17	Đỗ Quốc	Thái	100,000	
26	10C17	Mai Ngọc Ý	Thiên	100,000	
27	10C17	Ngô Thanh	Thiên	150,000	
28	10C17	Thái Gia	Thịnh	150,000	
29	10C17	Phạm Đào Đan	Thuyên	100,000	
30	10C17	Nguyễn Hoàng	Thy	100,000	
31	10C17	Nguyễn Ảnh	Toàn	150,000	
32	10C17	Hứa Tường	Vi	950,000	
33	10C17	Huỳnh Thị Bảo	Vy	150,000	
34	10C17	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	150,000	
35	10C17	Vũ Đình Hoàng	Yến	200,000	
				6,000,000	
1	10C18	Phún Tấn	An	700,000	
2	10C18	Mai Phương	Anh	200,000	
3	10C18	Trần Hải	Anh	200,000	
4	10C18	Lê Đức Chi	Bảo	200,000	
5	10C18	Cao Tấn	Đạt	500,000	
6	10C18	Nguyễn Thành	Đạt	500,000	
7	10C18	Nguyễn Trần Quỳnh	Giao	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
8	10C18	Trần Ngọc Khánh	Hân	200,000	
9	10C18	Nguyễn Trọng	Hiếu	200,000	
10	10C18	Huỳnh Nhật	Hoà	200,000	
11	10C18	Nguyễn Công Nhật	Huy	700,000	
12	10C18	Hồ Phước	Hưng	200,000	
13	10C18	Phan Nguyễn Phúc	Khang	300,000	
14	10C18	Đặng Tuấn	Khanh	100,000	
15	10C18	Nguyễn Huỳnh Gia	Khiêm	100,000	
16	10C18	Trần Hoàng	Lam	200,000	
17	10C18	Võ Duy	Linh	200,000	
18	10C18	Đinh Khánh	Lương	1,600,000	
19	10C18	Nguyễn Đình Khánh	Ngọc	200,000	
20	10C18	Phạm Khôi	Nguyên	200,000	
21	10C18	Đặng Thành	Nhân	200,000	
22	10C18	Đinh Quang	Nhật	100,000	
23	10C18	Đặng Tấn	Phát	200,000	
24	10C18	Võ Nhật	Quang	200,000	
25	10C18	Nguyễn Trần Trúc	Quỳnh	100,000	
26	10C18	Nguyễn Bá	Thành	200,000	
27	10C18	Trần Thị Phương	Thảo	100,000	
28	10C18	Bùi Việt Minh	Thiên	200,000	
29	10C18	Trần Thị Phương	Thùy	200,000	
30	10C18	Nguyễn Ngọc Đan	Thy	800,000	
31	10C18	Đỗ Minh	Trí	200,000	
32	10C18	Nguyễn Lê Anh	Tuấn	400,000	
33	10C18	Nguyễn Triều	Uyên	200,000	
34	10C18	Đặng Ngọc Hồng	Vinh	400,000	
35	10C18	Lương Thị Thúy	Vy	100,000	
36	10C18	Phạm Ngọc Phương	Vy	200,000	
37	10C18	Lê Đoàn Mỹ	Ý	200,000	
				10,900,000	
1	10C19	Hứa Văn	An	200,000	
2	10C19	Hà Phạm Mai	Anh	200,000	
3	10C19	Nguyễn Diệu	Anh	200,000	
4	10C19	La Thiên	Ăn	100,000	
5	10C19	Châu Ngọc	Bích	200,000	
6	10C19	Trần Anh Tuấn	Dũ	200,000	
7	10C19	Phùng Thụy Ánh	Dương	100,000	
8	10C19	Nguyễn Lê Minh	Đan	200,000	
9	10C19	Hứa Đoàn Ngọc	Hà	200,000	
10	10C19	Ngô Thái Thanh	Hằng	200,000	
11	10C19	Nguyễn Thị Xuân	Hiếu	200,000	
12	10C19	Chung Đức	Hưng	100,000	
13	10C19	Trương Mai	Khôi	200,000	
14	10C19	Quách Thiên	Lam	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
15	10C19	Phan Hoàng Trúc	Lâm	200,000	
16	10C19	Phan Kiến	Minh	200,000	
17	10C19	Phan Phước	Minh	200,000	
18	10C19	Hồ Nguyễn Thảo	Ngân	200,000	
19	10C19	Chu Thị Hồng	Ngọc	200,000	
20	10C19	Nguyễn Gia	Ngọc	200,000	
21	10C19	Nguyễn Thanh	Ngọc	200,000	
22	10C19	Khương Đông	Nguyên	200,000	
23	10C19	Nguyễn Thành	Nhân	200,000	
24	10C19	Nguyễn Hồng Anh	Như	200,000	
25	10C19	Trương Như	Phúc	200,000	
26	10C19	Lê Tào Hoàng	Quân	200,000	
27	10C19	Nguyễn Trần Diễm	Quỳnh	200,000	
28	10C19	Trần Ngọc Anh	Thư	200,000	
29	10C19	Lê Trần Bảo	Thy	100,000	
30	10C19	Nguyễn Hải	Yên	200,000	
				5,600,000	
1	10C21	Trương Quỳnh	An	100,000	
2	10C21	Ngô Minh	Anh	300,000	
3	10C21	Trương Huỳnh Hoàng	Anh	100,000	
4	10C21	Nguyễn Lê Hoàng	Kim	100,000	
5	10C21	Trần Nhã	Kỳ	200,000	
6	10C21	Huỳnh Lê Ngọc	Nga	100,000	
7	10C21	Huỳnh Lê Thúy	Nga	100,000	
8	10C21	Lê Thanh	Ngọc	100,000	
9	10C21	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	200,000	
10	10C21	Nguyễn Thảo	Nhi	100,000	
11	10C21	Nguyễn Anh	Như	200,000	
12	10C21	Lê Đặng Nam	Phương	100,000	
13	10C21	Nguyễn Lương Hoàng	Quốc	200,000	
14	10C21	Đinh Phạm Khánh	Quyên	100,000	
15	10C21	Đinh Nguyễn Bảo	Thy	300,000	
16	10C21	Trần Huỳnh Hoa	Tiên	100,000	
17	10C21	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	100,000	
18	10C21	Nguyễn Nguyễn Thanh	Vân	400,000	
19	10C21	Nguyễn Thảo	Vy	100,000	
				3,000,000	